Chi tiết mã HS 9031.41.00

Mã HS	9031.41.00
Mô tả hàng hóa	Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng / - Các thiết bị và dụng cụ quang học khác: / - - Để kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn (kể cả mạch tích hợp) hoặc kiểm tra mạng che quang hoặc lưới carô sử dụng trong sản xuất các linh kiện bán dẫn (kể cả mạch tích hợp)
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 22:11:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90314100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18237
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18237
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18237
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17564
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17493
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17493
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17493
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17493
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17493
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17493
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17549
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17549
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17549
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17549

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17549
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17549
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17550
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17550
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17550
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17550
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17550
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17550
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17555
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17511
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17507
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17507
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17507
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17507
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17507
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17507
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17553
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17553
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17553
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17553
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17553
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17553
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17615
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17615
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17615
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17615

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17615
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17615
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17591
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17591
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17591
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17591
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17591
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17591
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17586
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17586
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17586
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17586
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17586
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17586
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17616
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17616
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17616
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17616
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17616
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17616
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17615
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17615
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17615
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17615
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17615
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17615

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17709
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17709
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17709
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17709
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17709
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17709
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17709
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17578
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17578
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17578
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17578
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17578
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17578
RCEP B	2022	2022	0	B!D17578
RCEP B	2023	2023	0	B!E17578
RCEP B	2024	2024	0	B!F17578
RCEP B	2025	2025	0	B!G17578
RCEP B	2026	2026	0	B!H17578
RCEP B	2027	2027	0	B!I17578
RCEP C	2022	2022	0	C!D17576
RCEP C	2023	2023	0	C!E17576
RCEP C	2024	2024	0	C!F17576
RCEP C	2025	2025	0	C!G17576
RCEP C	2026	2026	0	C!H17576
RCEP C	2027	2027	0	C!I17576
RCEP D	2022	2022	0	D!D17575

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17575
RCEP D	2024	2024	0	D!F17575
RCEP D	2025	2025	0	D!G17575
RCEP D	2026	2026	0	D!H17575
RCEP D	2027	2027	0	D!I17575
RCEP E	2022	2022	0	E!D17579
RCEP E	2023	2023	0	E!E17579
RCEP E	2024	2024	0	E!F17579
RCEP E	2025	2025	0	E!G17579
RCEP E	2026	2026	0	E!H17579
RCEP E	2027	2027	0	E!I17579
RCEP F	2022	2022	0	F!D17578
RCEP F	2023	2023	0	F!E17578
RCEP F	2024	2024	0	F!F17578
RCEP F	2025	2025	0	F!G17578
RCEP F	2026	2026	0	F!H17578
RCEP F	2027	2027	0	F!I17578
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16479
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16479
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16479
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16479

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9031.41.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9031.41.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18237), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.